

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÒA BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 12 - 01 - 2024

V/v: Tranh chấp hôn nhân gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thanh Hải**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Quách Minh Nhiên**.

Ông **Nguyễn Quang Hiếu**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Hà Phương Huyền** – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình tham gia phiên tòa:
Ông **Phạm Văn Minh** - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 12 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 21/2023/TLST – HNGĐ ngày 15/ 11/2023 về việc tranh chấp hôn nhân gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 26/12/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **Đình Xuân N**, sinh năm 1991. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Xóm D, xã M, TP H, tỉnh Hòa Bình.

Bị đơn: Chị **Phùng Thị T**, sinh năm 1994. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm D, xã M, thành phố H, tỉnh Hòa Bình. Hiện đang lao động tại Đ.

(Anh N, chị T có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Đình Xuân N trình bày:**

Anh và chị Phùng Thị T tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện K (nay là thành phố H), tỉnh Hòa Bình vào ngày 17/3/2015. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, đến năm 2020 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng đã nói chuyện để hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả. Từ tháng 06/2022 chị T đi xuất khẩu lao động tại Đ, vợ chồng sống xa nhau, ít có thời gian quan tâm và chăm sóc đến nhau, việc liên lạc với nhau qua mạng xã hội cũng không thường xuyên dẫn đến mâu thuẫn càng trầm trọng, anh N xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn chị Phùng Thị T.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Bị đơn chị Phùng Thị T trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Chị T xác nhận về thời gian, địa điểm và tình trạng hôn nhân như anh N trình bày. Quá trình chung sống vợ chồng chỉ hạnh phúc thời gian ngắn, sau đó phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Từ tháng 6/2022 chị đi lao động tại Đ, vợ chồng sống xa nhau nên tình cảm không còn. Nay anh N đề nghị ly hôn, chị cũng đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị T xác nhận không có tài sản chung, không có công nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Quá trình giải quyết vụ án:***

- Chị Phùng Thị T ủy quyền cho em gái là chị Phùng Thị Đ nhận các văn bản của Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình vì nay chị đang ở tại Đ.

- Chị Phùng Thị Đ xác nhận về việc đồng ý nhận ủy quyền của chị gái là Phùng Thị T trong việc giao nhận văn bản của Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình, chị Đ cam đoan sẽ chuyển các văn bản đã nhận của Tòa án cho chị T.

- Kết quả xác minh về thông tin xuất nhập cảnh đối với chị Phùng Thị T: Tại công văn số 1509/PA08 ngày 30/11/2023 của Phòng quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh Hòa Bình cung cấp thông tin: Công dân Phùng Thị T đã được cấp hộ chiếu số C9881804 ngày 15/11/2021 để làm thủ tục xuất cảnh tại sân bay quốc tế Nội Bài ngày 28/6/2022, hiện chưa có thông tin nhập cảnh.

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình phát biểu quan điểm:***

- **Về tố tụng:** Việc thụ lý đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ tranh chấp. Quá trình điều tra xác minh thu thập chứng cứ, tổng đạt các văn bản tố tụng đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- **Về nội dung:** Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cho thấy mâu thuẫn giữa anh N và chị T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh N, xử cho anh N được ly hôn chị T. Về con chung: Không có. Về tài sản chung và công nợ chung không có, không đề nghị Tòa án giải quyết nên không đề cập. Anh N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, sau khi nghe ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn anh Đinh Xuân N có đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với bị đơn chị Phùng Thị T có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Hòa Bình, hiện đang lao động tại Đ. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 37, Điều 39, Điều 464 BLTTDS, Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Anh Đinh Xuân N và chị Phùng Thị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; căn cứ Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[2] Về nội dung:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Đinh Xuân N và chị Phùng Thị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện K (nay là thành phố H), tỉnh Hòa Bình vào ngày 17/3/2015 nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Anh N và chị T đều xác nhận vợ chồng đã hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả. Từ tháng 06/2022 chị T đi xuất khẩu lao động tại Đ, vợ chồng sống xa nhau, không ai quan tâm đến nhau. Như vậy mâu thuẫn giữa anh N và chị T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xử cho anh Đinh Xuân N được ly hôn anh chị Phùng Thị T.

2.2. Về con chung: Không có con chung, Hội đồng xét xử không xem xét.

2.3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

2.4. Về án phí: Anh Đinh Xuân N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 28, Điều 37, Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, Điều 464 và Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đinh Xuân N, xử cho anh Đinh Xuân N được ly hôn với chị Phùng Thị T.

2. Về án phí: Anh Đinh Xuân N phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0004004 ngày 14/11/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hòa Bình. Anh N đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Anh Đinh Xuân N được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án. Chị Phùng Thị T được quyền

kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được
niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Hà Nội;
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hòa Bình;
- Cục THADS tỉnh Hòa Bình;
- Các đương sự;
- UBND xã Mông Hóa
- Lưu TH, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trần Thanh Hải

